TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH CHƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS - ST
Ngày: 14/3/2018.
V/v tranh chấp đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà: **Nguyễn Thị Phi Yến**
2.Ông: **Trần Đình Thanh**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bá Anh** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà ***Trịnh Thị Ngọc Soa*** - Kiểm sát viên.
Ngày 14 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLST- DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp đất đai theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 26/02/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Mạc Văn A**, sinh năm: 1969; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Bà **Lương Thị Ng**, sinh năm: 1970; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư: **Lê Đăng T**, Cộng tác viên trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1985; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Lô Thị P**, sinh năm: 1984; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.

Chị **Mạc Thúy V**, sinh năm: 1991; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt.(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Chị **Lương Thị H**, sinh năm: 1995; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Anh **Mạc Văn M**, sinh năm: 1992; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Có mặt. Vắng mặt. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/11/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải và lời trình bày tại phiên tòa nguyên đơn ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng trình bày như sau: Năm 2011 vợ chồng ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng và 02 người con là Mạc Văn M và Mạc Thúy V từ huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An về tái định cư tại Bản KL, xã T S, huyện T C, tỉnh NA. Ngày 20/10/2011 hộ gia đình ông Mạc Văn A, Lương Thị Ng được nhà nước giao thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA, đây là đất trồng cây hàng năm. Năm 2012 ông Nguyễn Văn C và bà Lô Thị P đã tự ý dựng nhà và lấn chiếm thửa đất của hộ ông A, bà Ng. Sau khi sự việc xảy ra thì ông A yêu cầu ông C tháo dỡ nhà để trả đất cho ông A, bà Ng nhưng ông C không chịu. Sự việc đã được UBND xã TS, huyện TC, tỉnh NA hòa giải tranh chấp đất đai giữa ông Mạc Văn A và ông Nguyễn Văn C nhưng không thành. Nay ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P tháo dỡ nhà để trả lại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA cho hộ ông Mạc Văn A. Ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P yêu cầu trích công sức cải tạo thửa đất 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu) thì ông A, bà Ng không đồng ý. Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng chấp nhận trích công sức cải tạo thửa đất cho ông C, bà P số tiền 2.000.000đồng. Đối với 60 cây Keo mà ông Nguyễn Văn C trồng trên thửa đất có tổng giá trị 600.000đồng (Sáu trăm ngàn) đồng thì ông A, bà Ng đồng ý nhận và trích tiền giá trị cây Keo cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C.

Ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn: Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và lời trình vày tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C và bà Lô Thị P khai: Tháng 4/2006 vợ chồng ông, bà cùng gia đình từ huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An về tái định cư tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Năm 2012 thì vợ chồng ông, bà ra ở riêng và đã dựng một ngôi nhà gỗ 02 gian, lợp Pê rô xi măng trên thửa đất đang tranh chấp, đến năm 2015 thì vợ chồng ông, bà mới biết thửa đất này là đất trồng cây hàng năm đã được giao cho hộ ông Mạc Văn A, tất cả các giấy tờ liên quan đến thửa đất đều mang tên chủ hộ là ông Mạc Văn A,vợ chồng ông C, bà Ph không có giấy tờ gì về thửa đất nói trên. Sự việc đã được UBND xã TS, huyện TC, tỉnh NA hòa giải nhưng không thành. Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng khởi kiện yêu cầu ông C, bà Ph trả lại thửa đất nói trên thì vợ chồng ông C, bà P nhất trí tháo dỡ nhà để trả lại diện tích 867,9m^2 đất tại số thửa 101, tờ bản đồ số 14, tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA cho hộ ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng với điều kiện là ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng phải trích công sức cải tạo thửa đất cho vợ chồng ông C, bà P với số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu)

Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn: Anh Mạc Văn M, chị Mạc Thúy V khai năm 2011 anh, chị cùng với bố, mẹ là ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng từ huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An về tái

định cư tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA. Ngày 20/10/2011 hộ gia đình ông Mạc Văn A được nhà nước giao thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA, đây là đất trồng cây hàng năm. Năm 2012 ông Nguyễn Văn C và bà Lô Thị P đã tự ý dựng nhà và lấn chiếm thửa đất của gia đình. Đây là đất cấp cho hộ gia đình anh, chị do đó yêu cầu ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P tháo dỡ nhà để trả lại thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA cho hộ ông Mạc Văn A. Do điều kiện công việc nên anh Mạc Văn M, chị Mạc Thúy V có ý kiến xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và đã làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị Lương Thị H khai: Năm 2014 chị kết hôn với anh Mạc Văn M, con trai ông Mạc Văn A, khi chị về làm vợ anh Mạc Văn M thì thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA đã được cấp cho hộ ông Mạc Văn A, chị Lương Thị H không được cấp thửa đất nói trên. Chị đề nghị ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P trả lại thửa đất nói trên cho hộ ông Mạc Văn A, chị H không có yêu cầu gì đối với thửa đất. Do điều kiện công việc nên chị Lương Thị H có ý kiến xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại Tòa án và đã làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến luật sư Lê Đăng T người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA thuộc quyền sử dụng của hộ ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 163, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai. Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P tháo dỡ nhà và các công trình trên thửa đất để trả lại thửa đất cho hộ ông Mạc Văn A bà Lương Thị Ng; Giao cho ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng sở hữu 60 cây Keo trị giá 600.000đồng và buộc ông A, bà Ng trích tiền giá trị cây Keo cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng trích cho ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P số tiền 2.000.000đồng công sức cải tạo thửa đất.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 26; Điều 35, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Buộc ông Nguyễn Văn C bà Lô Thi P phải tháo dỡ ngôi nhà gỗ 02 gian, lợp Pê rô xi măng, 01 ô bếp lợp Pê rô xi măng, 01 nhà để củi lợp Pê rô xi măng trên thửa đất để trả lại diện tích 867,9m^2 tại thửa số 101, tờ bản đồ số 14 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA cho hộ ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng.Giao cho ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng được quyền sở hữu 60 cây Keo trị giá 600.000đồng và buộc ông A, bà Ng trích tiền giá trị cây Keo cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P; Ghi nhận sự tự nguyện của ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng về việc trích cho ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P số tiền 2.000.000đồng công sức cải tạo thửa đất.

Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp đất đai được quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013 và đã được Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TC, tỉnh NA hòa giải tranh chấp đất đai theo đúng quy định của pháp luật do đó Tòa án thụ lý giải quyết là đúng với khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

[2]Về nội dung vụ án: Năm 2011 hộ gia đình ông Mạc Văn A gồm có ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng và 02 người con là Mạc Văn M và Mạc Thúy V từ huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An về tái định cư tại huyện TC, tỉnh NA. Ngày 20/10/2011 hộ gia đình ông Mạc Văn A được nhà nước giao thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14, diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA, đây là đất trồng cây hàng năm ký hiệu NHK. Năm 2012 vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Lô Thị P đã dựng nhà và ở thửa đất dẫn đến xảy ra tranh chấp. Việc tranh chấp đất đai giữa ông Mạc Văn A và ông Nguyễn Văn C đã được UBND xã TS, huyện TC, tỉnh NA hòa giải nhưng không thành.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn thì thấy rằng: Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14 có diện tích 867,9m^2 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA, ngày 20/10/2011 được Nhà nước giao cho hộ ông Mạc Văn A sử dụng. Tại thời điểm được giao thửa đất nói trên thì hộ ông Mạc Văn A có 04 người gồm: Ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng, anh Mạc Văn M và chị Mạc Thúy V. Hộ gia đình ông Mạc Văn A có giấy tờ hợp pháp về thửa đất gồm: Phiếu giao nhận diện tích, loại đất chủ sử dụng đất theo hiện trạng đề ngày 20/10/2011và có tên trong tờ bản đồ địa chính số 14. Các tài liệu, chứng cứ mà ông Mạc Văn A nộp cho Tòa án là phù hợp với kết quả xác minh ngày 02/01/2018 tại UBND xã TS, huyện TC, tỉnh NA và kết quả xác minh ngày 23/02/2018 tại UBND huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ. Lời khai bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lô Thị P đều thừa nhận thửa đất nói trên được giao cho hộ ông Mạc Văn A, ông C và bà P không có giấy tờ gì về thửa đất tranh chấp. Do đó ông A, bà Ng khởi kiện yêu cầu ông C, bà P tháo dỡ nhà và các công trình xây dựng trên thửa đất để trả lại thửa đất nói trên cho hộ ông A, bà Ng là có căn cứ chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 163, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Điều 202 khoản 1 Điều 203 Luật đất đai.

[4]Xét ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn thì thấy rằng:Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P đều thừa nhận thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14 có diện tích 867,9m^2 tại Bản Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA đã được giao cho hộ ông Mạc Văn A vào năm 2011, ông C, bà P không có giấy tờ về thửa đất .Nay ông A, bà Ng đòi lại thì ông C, bà P đều đồng ý tháo dỡ nhà và công trình phụ trên thửa đất để trả lại thửa đất cho hộ ông Mạc Văn Avới điều kiện yêu cầu ông A, bà Ng trích tiền công cải tạo thửa đất là 25.000.000đồng. Xét thấy lời khai của ông C, bà P là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà ông Mạc Văn A nộp cho Tòa án; phù hợp với kết quả xác minh ngày 02/01/2018 tại

UBND xã TS, huyện TC; phù hợp với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ do đó cần buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, Lô Thị P trả lại thửa đất nói trên cho hộ ông Mạc Văn A là đúng pháp luật.

[5]Xét yêu cầu của của ông Nguyễn Văn C,bà Lô Thị P về việc yêu cầu ông A, bà Ng trích công sức cải tạo thửa đất với số tiền 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu) thì thấy rằng: Thửa đất được giao cho hộ ông Mạc Văn A sử dụng là đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, không được phép xây dựng nhà và làm các công trình phụ trên thửa đất khi chưa được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.Vợ chồng ông Nguyễn Văn C tự ý dựng nhà, đào giếng trên thửa đất nông nghiệp lẽ ra UBND xã TS, huyện TC phải lập biên bản xử lý vi phạm hành chính và buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.Việc ông C, bà P đào giếng, dựng nhà trên thửa đất nông nghiệp là trái pháp luật vì vậy ông C, bà P yêu cầu công sức đóng góp cải tạo thửa đất là không có căn cứ chấp nhận.Tuy nhiên xét thấy ông C, bà P là người đã có công quản lý, bảo vệ thửa đất từ năm 2012 đến nay, tại phiên tòa ông Mạc Văn A,bà Lương Thị Ng đồng ý trích công sức cải tạo thửa đất cho ông Nguyễn Văn C số tiền 2.000.000đồng do đó Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với 60 cây Keo có giá trị 600.000đồng mà ông C trồng trên thửa đất chưa đến tuổi thu hoạch, ông A và bà Ng đồng ý nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận giao cho ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng sở hữu và buộc ông A, bà Ng phải trích 600.000đồng tiền giá trị cây Keo cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P.

[6]Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Đăng T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 163, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P tháo dỡ nhà để trả đất cho hộ ông Mạc Văn A; ghi nhận sự tự nguyện của ông Mạc Văn A,bà Lương Thị Ng trích công sức cải tạo thửa đất cho ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P số tiền 2.000.000đồng; giao cho ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng sở hữu 60 cây Keo và buộc ông A, bà Ng trích cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P 600.000đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ các phân tích trên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P phải tháo dỡ nhà và các công trình phụ trên thửa đất để trả lại diện tích 867,9m^2 tại số thửa 101, tờ bản đồ số 14 tại Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA cho hộ ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P phải chịu án phí dân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ:Yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ của ông Mạc Văn A là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật. Ông Mạc Văn A đã nộp 400.000đồng (Bốn trăm ngàn) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do đó buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P phải hoàn trả lại ông Mạc Văn A số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đã nộp là đúng với quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật để giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 166 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Điều 202, khoản 1 Điều 203 Luật đất đai; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Mạc Văn A,bà Lương Thị Ng.

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lô Thị P phải tháo dỡ 01*(Một)* nhà gỗ hai gian, lợp Pê rô xi măng gắn liền với 01*(Một)* ô bếp lợp Pê rô xi măng; 01*(Một)* nhà để củi lợp Pê rô xing măng xây dựng trên thửa đất để trả lại diện tích 867,9m^2 tại số thửa 101, tờ bản đồ số 14; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA cho hộ ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng.

Chi tiết thửa đất như sau: Phía Đông giáp với phần đất của bà Lương Thị H có chiều dài 30,15 mét; Phía Nam giáp đường liên thôn có chiều dài là 33,5 mét; Phía Tây giáp Khe nước có chiều dài là 36,41 mét; Phía Bắc giáp đất Ủy ban nhân dân xã TS, huyện TC có chiều dài 22,0 mét.*(Chi tiết thửa đất có sơ đồ kèm theo)*

- Giao cho ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng được quyền sở hữu 60 *(Sáu mươi)* cây Keo trồng trên thửa đất thửa đất số 101, tờ bản đồ số 14; địa chỉ: Bản KL, xã TS, huyện TC, tỉnh NA có giá trị 600.000đồng *(Sáu trăm ngàn)*

- Buộc ông Mạc Văn A, bà Lương Thị Ng phải trích 600.000đồng*(Sáu trăm ngàn)* tiền giá trị cây Keo và trích 2.000.000đồng *(Hai triệu)*tiền công sức đóng góp cải tạo thửa đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P.

Tổng cộng: 2.600.000đồng*(Hai triệu, sáu trăm ngàn)*

Chia kỷ phần: Ông Mạc Văn A chịu 1.300.000đồng *(Một triệu,ba trăm ngàn)* Bà Lương Thị Ng chịu 1.300.000đồng *(Một triệu, ba trăm ngàn)*

-Về án phí:Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Chia kỷ phần ông Nguyễn Văn C phải chịu 150.000đồng*(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*,bà Lô Thị P phải chịu 150.000đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*

Trả lại ông Mạc Văn A 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng phí đã nộp theo biên lai số 0001203 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

-Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Lô Thị P phải hoàn trả cho ông Mạc Văn A 400.000đồng *(Bốn trăm ngàn đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Chia kỷ phần ông Nguyễn Văn C phải chịu 200.000đồng*(Hai trăm ngàn đồng)*, bà Lô Thị P phải chịu 200.000đồng *(Hai trăm ngàn đồng)*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người yêu cầu thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm iết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS huyện Thanh Chương;
- Chi cục THA dân sự H.Thanh Chương;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Trần Văn Dũng